

Số: 283/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 29 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Lê Công H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Huỳnh Thị Thúy Ch, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ X Khu vực Y, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Công H và chị Huỳnh Thị Thúy Ch có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 26/7/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ chị Ch tại tổ X Khu vực Y, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến tháng 7/2019 thì anh H về nhà bố mẹ của anh H để ở. Trong hôn nhân vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Lê Công H và chị Huỳnh Thị Thúy Ch xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Huỳnh Hoàng B, sinh ngày 09/5/2018. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho chị Ch nuôi dưỡng, chị Ch không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh Lê Công H và chị Huỳnh Thị Thúy Ch xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Lê Công H và chị Huỳnh Thị Thúy Ch xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Công H và chị Huỳnh Thị Thúy Ch mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh

Hùng, chị Chi đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2013/009849 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Công H và chị Huỳnh Thị Thúy Ch thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê Công H và chị Huỳnh Thị Thúy Ch xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Huỳnh Hoàng B, sinh ngày 09/5/2018. Anh H và chị Ch thoả thuận giao cháu B cho chị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Ch không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Lê Công H và chị Huỳnh Thị Thúy Ch xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lê Công H và chị Huỳnh Thị Thúy Ch xác nhận vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Công H và chị Huỳnh Thị Thúy Ch mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng mà anh H và chị Ch đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2013/009849 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, nên anh H và chị Ch không phải nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP H;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường P, TP H (ĐKKH số 52/2017 ngày 26/7/2017);
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Dũng